

QUÁ TRÌNH HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ

TS. BÙI KIÊN ĐIỆN*

1. Giai đoạn trước năm 1989

Ngày 20/7/1946, Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hoà ban hành Sắc lệnh số 131/SL về tổ chức tư pháp công an và việc điều tra các loại tội phạm (đại hình, tiểu hình và vi cảnh) được giao cho các uỷ viên tư pháp công an. Ngày 16/02/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Sắc lệnh số 141/SL đổi Nha công an Việt Nam thành Thứ bộ công an. Trong đó, Vụ chấp pháp có nhiệm vụ điều tra, lập hồ sơ đề nghị truy tố các vụ phạm tội phản cách mạng và tội phạm hình sự khác. Ở cơ quan an ninh có ban chấp pháp, ở công an liên khu có phòng chấp pháp.

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 22/02/1973 của Hội đồng Chính phủ, Bộ công an quyết định giao công tác hỏi cung, lập hồ sơ truy tố các loại tội phạm hình sự (về trị an xã hội) cho Cục cảnh sát hình sự đảm nhiệm. Đối với các vụ án kinh tế, cơ quan chấp pháp chỉ thụ lý, điều tra theo thủ tục tố tụng hình sự các vụ án phản cách mạng và tội phạm xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, tội phạm kinh tế phức tạp, nghiêm trọng; còn những vụ án kinh tế đơn giản, ít nghiêm trọng do các đơn vị trình sát kinh tế thụ lý, điều tra.

Ngày 12/6/1981, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 250/HĐCP quy định lại nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức ở Bộ nội

vụ. Theo đó, ở Bộ công an có Cục chấp pháp an ninh điều tra xét hỏi và cảnh sát điều tra xét hỏi. Ở công an tỉnh, thành phố có 02 phòng là phòng an ninh điều tra xét hỏi và phòng cảnh sát điều tra xét hỏi. Trong đó, cục và phòng an ninh điều tra xét hỏi được giao thụ lý, điều tra xét hỏi các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; cục và phòng cảnh sát điều tra xét hỏi được giao thụ lý, điều tra xét hỏi các vụ án hình sự khác. Các đơn vị trình sát hình sự, kinh tế không làm công tác điều tra công khai theo tố tụng hình sự nữa mà chỉ tập trung vào công tác trình sát bí mật, phục vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Có thể nói, trong giai đoạn trước năm 1989, các quy định pháp lý về hoạt động điều tra hình sự được ban hành với số lượng không đáng kể và chủ yếu dưới dạng các văn bản dưới luật, nội dung lại khá sơ sài, phần lớn mới chỉ quy định về tổ chức cơ quan điều tra và thẩm quyền điều tra và ngay cả những nội dung này tính hợp lý cũng chưa cao. Điều đó không chỉ làm giảm hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm mà còn cho thấy hoạt động lập pháp tố tụng hình sự nói chung, xây dựng hệ thống pháp luật về hoạt động điều tra hình sự nói riêng còn rất nhiều nhiệm vụ khá nặng nề ở phía trước.

* Giảng viên chính Khoa luật hình sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

2. Giai đoạn từ năm 1989 đến năm 2003

Ngày 01/01/1989, Bộ luật tố tụng hình sự đầu tiên của nước ta có hiệu lực pháp luật. Đây là một điểm mốc lớn trong lịch sử phát triển pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và có tác động tích cực đối với quá trình tố tụng hình sự nói chung, hoạt động điều tra hình sự nói riêng. Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 dành 6 chương (từ Chương VIII đến Chương XIII) với 49 điều luật trên tổng số 286 điều để quy định những vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động điều tra hình sự. Đặc biệt, phần lớn các điều luật trong 6 chương nêu trên được dành để quy định khá chi tiết về trình tự, thủ tục tiến hành các biện pháp điều tra cụ thể (từ Điều 106 đến Điều 134). Phù hợp với nguyên tắc của kỹ thuật lập pháp, một số vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động điều tra do không cần thiết phải quy định chi tiết trong Bộ luật tố tụng hình sự mà có thể quy định trong một văn bản dưới luật nên các vấn đề như cơ cấu tổ chức; nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các cơ quan điều tra cũng như của các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; tiêu chuẩn bổ nhiệm điều tra viên... đã được Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự do Hội đồng nhà nước thông qua ngày 04/4/1989 cụ thể hóa. Như vậy, hành lang pháp lý cho hoạt động điều tra hình sự lần đầu tiên đã được Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 1989 xác định khá đầy đủ và rõ ràng.

Bám sát thực tiễn điều tra hình sự, các cơ quan chức năng đã kịp thời ban hành bổ

sung các văn bản pháp luật theo thẩm quyền nhằm khắc phục những hạn chế, vướng mắc phát sinh trong hoạt động này.

Theo quy định tại Điều 17 Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 1989 và Thông tư số 79/TT ngày 15/9/1989 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, cơ quan điều tra viện kiểm sát được thành lập ở Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương, viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và viện kiểm sát quân sự quân khu, quân chủng, quân đoàn, tổng cục, trong khi đó: *“Cơ quan điều tra của viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh vừa ít việc và cũng rất ít khi trực tiếp điều tra; hoạt động điều tra còn thụ động và phụ thuộc chủ yếu vào ý chỉ của viện trưởng viện kiểm sát”*.⁽¹⁾ Theo thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tối cao năm 1995 thì có 10 cơ quan điều tra thuộc viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh không tiến hành điều tra vì không có án, trong đó có đến 4 cơ quan 2 năm liền không điều tra được vụ án nào.⁽²⁾ Do đó, Luật tổ chức viện kiểm sát nhân dân năm 2002 đã quy định lại về hệ thống cơ quan điều tra trong ngành kiểm sát. Theo đó, cơ quan điều tra chỉ được thành lập ở Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện kiểm sát quân sự trung ương và bộ phận điều tra ở viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và ban điều tra ở viện kiểm sát quân sự cấp quân khu.

Đối với cơ quan cảnh sát điều tra, sau 3 năm (1990 - 1993) tổ chức và hoạt động theo mô hình được quy định tại Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 1989, Bộ công an sau

khi sơ kết rút kinh nghiệm nhận thấy mô hình này bộc lộ một điểm bất hợp lý cơ bản là: “*Cục trưởng Cục cảnh sát điều tra, thủ trưởng cơ quan cảnh sát điều tra ở Bộ, trưởng phòng cảnh sát điều tra, thủ trưởng cơ quan cảnh sát điều tra ở tỉnh rất khó khăn trong việc chỉ đạo điều hành, phối hợp giữa các lực lượng ở từng cấp trong hoạt động điều tra; cá biệt có nơi, có lúc đã xảy ra tình trạng là giám đốc, phó giám đốc phụ trách cảnh sát không nắm được thường xuyên tình hình điều tra tội phạm, diễn biến của những vụ án nghiêm trọng, không chỉ đạo được cơ quan điều tra*”.⁽³⁾ Vì vậy, Bộ công an đã ban hành Chỉ thị số 26 ngày 22/12/1993 và Quyết định số 262 ngày 27/5/1993, trong đó quy định: Ở Bộ công an, phó tổng cục trưởng Tổng cục cảnh sát làm thủ trưởng cơ quan cảnh sát điều tra, cục trưởng Cục cảnh sát điều tra làm phó thủ trưởng thứ nhất, cục trưởng các cục cảnh sát kinh tế, cảnh sát hình sự và các phó cục trưởng cục cảnh sát điều tra làm phó thủ trưởng cơ quan cảnh sát điều tra. Ở công an cấp tỉnh, phó giám đốc phụ trách cảnh sát làm thủ trưởng cơ quan cảnh sát điều tra, trưởng phòng cảnh sát điều tra làm phó thủ trưởng thứ nhất, các trưởng phòng cảnh sát hình sự, cảnh sát kinh tế và cảnh sát phòng chống tội phạm về ma túy (từ năm 1997) làm phó thủ trưởng cơ quan cảnh sát điều tra.

Những thay đổi của Bộ luật hình sự năm 1999 về phân loại tội phạm còn có ảnh hưởng đến việc tổ chức hoạt động điều tra hình sự và đòi hỏi cần có sự điều chỉnh trong

pháp luật tố tụng hình sự. Do đó, trong lần sửa đổi, bổ sung thứ 3 đối với Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 vào tháng 6/2000, vấn đề về thời hạn điều tra và thời hạn tạm giam để điều tra các loại tội phạm đã được quy định lại một cách cụ thể phù hợp với sự thay đổi nêu trên của Bộ luật hình sự năm 1999, tạo thuận lợi cho việc áp dụng các chế định này trong thực tế điều tra hình sự.

3. Giai đoạn từ năm 2004 đến nay

Việc ra đời của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đánh dấu bước phát triển vượt bậc của pháp luật tố tụng hình sự nói chung, pháp luật về hoạt động điều tra hình sự nói riêng. Hầu hết những bất cập phát sinh trong 15 năm thi hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 đều được xem xét và khắc phục một cách khá hợp lý trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và các văn bản pháp luật tố tụng khác được ban hành sau đó. Những tiến bộ cơ bản của pháp luật tố tụng hình sự về hoạt động điều tra hình sự trong giai đoạn này thể hiện ở một số góc độ cụ thể sau:

- *Thứ nhất*, xây dựng được hệ thống cơ quan điều tra và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khá hợp lý, bước đầu đảm bảo tính chuyên sâu.

Hệ thống cơ quan điều tra trước đây còn mang tính dàn trải, tính chuyên sâu thấp và do đó chưa phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn hoạt động điều tra hình sự. Chẳng hạn, ở Bộ công an, cơ quan điều tra được thành lập ở cấp bộ, cấp tỉnh và cấp huyện (trừ lực lượng an ninh nhân dân không có cơ quan điều tra cấp huyện) và các cơ quan điều tra này được

giao điều tra tất cả các loại tội phạm không thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan điều tra Bộ quốc phòng và viện kiểm sát, có khung hình phạt thuộc thẩm quyền điều tra của mình mà không xem xét đến những tính chất đặc trưng khác của các nhóm tội phạm. Việc tổ chức hệ thống cơ quan điều tra mới chỉ quan tâm tới yếu tố cấp hành chính chứ không phải tính chất đặc trưng trong đặc điểm hình sự của các loại tội phạm không thể coi là hợp lý, bởi lẽ đây phải là tiêu chí cần đặt lên hàng đầu. Khắc phục tình trạng đó, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 đã điều chỉnh lại hệ thống cơ quan điều tra theo hướng nâng cao tính chuyên sâu trong hoạt động nghiệp vụ của cơ quan điều tra, nhất là của cơ quan cảnh sát điều tra. Cụ thể, cơ quan cảnh sát điều tra của Bộ công an ở các cấp đều được xây dựng tương ứng với các nhóm tội phạm phổ biến mà các cơ quan điều tra này phải đấu tranh gồm tội phạm về trật tự xã hội, tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ, tội phạm về ma túy. Với mô hình này, tính chuyên sâu trong hoạt động điều tra của các cơ quan cảnh sát điều tra chưa thể nói đã đảm bảo một cách triệt để nhưng rõ ràng bước đầu nó đã được quan tâm và nâng cao hơn so với mô hình cũ.

Thực tiễn hoạt động điều tra hình sự những năm qua còn cho thấy một bất cập khác trong mô hình cơ quan điều tra trước đây là cơ quan điều tra Bộ quốc phòng cấp dưới quân khu. Số lượng cơ quan điều tra ở cấp này có nhiều nhưng số vụ án hàng năm phải giải quyết lại không đáng kể. Theo báo

cáo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trước Quốc hội, năm 2000 viện kiểm sát quân sự các cấp thụ lý 240 vụ án, năm 2001 là 198 vụ án, năm 2002 là 224 vụ án, 6 tháng đầu năm 2003 là 80 vụ án, trong khi đó, có tới 147 cơ quan điều tra ở bộ chỉ huy quân sự tỉnh, sư đoàn và cấp tương đương. Do đó, Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ chính trị đã yêu cầu: *“Có phương án đổi mới tổ chức, hoạt động của các cơ quan điều tra trong quân đội phù hợp với hướng đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan điều tra của Nhà nước”*. Thể chế hoá tư tưởng chỉ đạo của Bộ chính trị và đáp ứng đòi hỏi quá trình kiện toàn hệ thống cơ quan điều tra, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 đã quy định lại hệ thống cơ quan điều tra của Bộ quốc phòng. Theo đó, ở Bộ quốc phòng bỏ cơ quan điều tra của bộ chỉ huy quân sự quân sự tỉnh và cấp tương đương, thay vào đó là cơ quan điều tra quân sự khu vực. Đồng thời, ngày 20/8/2004, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã có Nghị quyết số 728/2004/NQ-UBTVQH11 quy định cụ thể về việc thành lập cơ quan điều tra hình sự, cơ quan an ninh điều tra quân khu và tương đương, cơ quan điều tra hình sự khu vực.⁽⁴⁾

Trước đây, trên phạm vi lãnh thổ rộng lớn từ đường cơ sở ra đến ranh giới ngoài của vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam, bao gồm chủ yếu là các vùng biển ngoài khơi xa tình hình tội phạm diễn biến phức tạp (chủ yếu là các tội phạm quy định tại Chương XI và các điều 153, 154, 172,

183... Bộ luật hình sự năm 1999) nhưng không được phát hiện, đấu tranh kịp thời. Ngày 25/3/1998 lực lượng cảnh sát biên được thành lập và nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm xảy ra trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của họ với thẩm quyền tương tự như cơ quan hải quan, kiểm lâm, bộ đội biên phòng đã được Bộ luật tổ tụng hình sự năm 2003 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 giao cho lực lượng này.

- Thứ hai, bổ sung những quy định làm cơ sở pháp lý cho việc tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa điều tra theo tổ tụng và điều tra trình sát.

Thực tiễn điều tra hình sự những năm qua cho thấy, tính hiệu quả của hoạt động điều tra phụ thuộc ở mức độ khá lớn vào mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan điều tra và cơ quan trình sát. Do đó, Bộ công an đã ban hành Chỉ thị số 26 ngày 22/12/1993 và Quyết định số 262 ngày 27/5/1993 bổ nhiệm thủ trưởng các cơ quan trình sát (cảnh sát hình sự, cảnh sát kinh tế, cảnh sát phòng, chống tội phạm về ma túy) làm phó thủ trưởng cơ quan điều tra, nhưng trong thực tế: *“Đối với các phó thủ trưởng cơ quan cảnh sát điều tra là thủ trưởng các đơn vị trình sát thì thẩm quyền tổ tụng chưa được thực hiện đầy đủ, thủ trưởng các đơn vị trình sát ít sử dụng quyền hạn của phó thủ trưởng cơ quan cảnh sát điều tra theo quy định của pháp luật, mà chủ yếu là sử dụng thẩm quyền của thủ trưởng cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra”*.⁽⁵⁾

Chính sự phối hợp lỏng lẻo giữa hai lực

lượng điều tra bí mật (ban đầu) và điều tra tố tụng đã ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng và hiệu quả hoạt động điều tra tội phạm. Cơ quan điều tra chẳng những không thể điều khiển được cơ quan trình sát phục vụ công tác điều tra mà còn tạo ra việc xác định trách nhiệm không rõ ràng, dẫn đến tình trạng “tranh công đổ lỗi”, đùn đẩy, lẫn tránh trách nhiệm giữa hai lực lượng; tạo ra sự chông chéo, lãng phí, gây phiền hà cho đối tượng liên quan trong vụ án, thậm chí lộ bí mật và ý đồ điều tra. Thực tế trên không thể kéo dài mà cần sớm được khắc phục là đòi hỏi cấp bách của hoạt động điều tra. Vì vậy, Bộ chính trị đã xác định cần: *“Khẩn trương tiến hành tổng kết việc thi hành Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, xây dựng đề án về tổ chức và sắp xếp, củng cố lại các cơ quan điều tra theo hướng:... kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động điều tra và trình sát”*. Yêu cầu đó của Bộ chính trị đã được cụ thể hoá trong Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 bằng các quy định mới về mô hình tổ chức của cơ quan điều tra nói chung, nhất là cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an. Với việc tổ chức cơ quan điều tra theo nhóm tội phạm (cơ quan cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, cơ quan cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, cơ quan cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy), các cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an có điều kiện thực tế kết hợp điều tra trình sát và điều tra tố tụng khi tiến hành hoạt động điều tra hình sự theo thẩm quyền bởi: *“Đơn vị đấu tranh phòng chống tội phạm vừa làm nhiệm*

vụ điều tra trinh sát, vừa tiến hành điều tra tố tụng đến khi kết thúc vụ án. Vì vậy, các đơn vị này vừa bố trí trinh sát viên, vừa bố trí điều tra viên (đơn vị phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm hình sự phải chịu trách nhiệm toàn bộ tình hình tội phạm xâm phạm về trật tự an toàn xã hội, từ khâu phòng ngừa đến công tác điều tra, khám phá các vụ án xảy ra); tương tự, đơn vị phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm kinh tế và đơn vị phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm về ma túy cũng như vậy".⁽⁶⁾

- Thứ ba, bổ sung những quy định mới theo hướng cụ thể và rành mạch hoá quyền hạn điều tra của các cơ quan điều tra và quy định cụ thể về vấn đề chuyển vụ án để điều tra theo thẩm quyền.

Hạn chế chủ yếu của các quy định trước đây về quyền hạn điều tra thể hiện ở một số điểm như thiếu tính thực tế (đối với cơ quan điều tra của viện kiểm sát), thiếu tính cụ thể (không quy định cụ thể quyền hạn điều tra của cơ quan điều tra các cấp) và đặc biệt là thiếu tính rành mạch trong việc phân định quyền hạn điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra và an ninh điều tra đối với một số loại tội phạm. Những hạn chế đó của pháp luật tố tụng hình sự không chỉ gây khó khăn cho việc áp dụng pháp luật mà còn tạo ra khả năng phát sinh hiện tượng tiêu cực là đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan điều tra, nhất là giữa cơ quan cảnh sát điều tra và an ninh điều tra. Đánh giá về vấn đề này, Bộ công an khẳng định: "Việc phân định thẩm quyền điều tra giữa lực lượng an ninh nhân

dân và cảnh sát nhân dân chưa hợp lý, rõ ràng; có loại tội phạm do cả hai lực lượng cùng tiến hành điều tra nên việc theo dõi, đánh giá về tình hình tội phạm chưa được tập trung về một mối; công tác hướng dẫn địa phương đôi khi còn chồng chéo, thiếu thống nhất, làm cho cấp dưới khó thực hiện; các loại tội phạm về tiền giả; tàng trữ, mua bán vũ khí, chất nổ trái phép... thuộc thẩm quyền điều tra của lực lượng Cảnh sát nhân dân, nên việc theo dõi chung về các loại tội phạm này thuộc cơ quan cảnh sát điều tra ở Bộ, nhưng trong thực tế thì điều tra loại tội phạm này chủ yếu do cơ quan an ninh điều tra của Công an cấp tỉnh thực hiện. Vì vậy, đã gây khó khăn cho việc thống kê số liệu, theo dõi tình hình tội phạm và hướng dẫn địa phương điều tra đối với các loại tội phạm nêu trên. Sự phân công thẩm quyền điều tra chưa hợp lý, còn dẫn đến tình trạng nơi nhiều việc, nơi ít việc, hạn chế đến kết quả chung của công tác điều tra".⁽⁷⁾ Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 đã bổ sung một số quy định mới nhằm khắc phục những hạn chế đã nêu và do đó quyền hạn điều tra của các cơ quan điều tra thuộc các lực lượng và các cấp khác nhau đã mang tính hợp lý, cụ thể, rành mạch hơn trước.

Trước đây, vấn đề chuyển vụ án "do Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 không quy định về vấn đề này nên trong thực tế, các địa phương, các cấp áp dụng rất khác nhau".⁽⁸⁾ Vì vậy, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã bổ sung Điều 116 quy định cụ thể vấn đề

chuyên vụ án để điều tra theo thẩm quyền nhằm thống nhất trong việc nhận thức và xử lý vấn đề khá quan trọng này của các cơ quan điều tra.

- Thứ tư, cụ thể hoá nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan điều tra và điều tra viên.

Trong mọi hoạt động, việc phân công, phân nhiệm cụ thể cho từng thành viên tham gia là một trong những điều kiện quan trọng đảm bảo sự thành công, trong khi pháp luật tố tụng hình sự trước đây: *“chỉ quy định chung mà chưa quy định một cách đầy đủ và cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của thủ trưởng cơ quan điều tra, đặc biệt chưa có sự phân biệt giữa chức năng quản lý hoạt động tố tụng và chức năng tiến hành tố tụng của thủ trưởng cơ quan điều tra”*.⁽⁹⁾ Để khắc phục khiếm khuyết nêu trên, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của thủ trưởng cơ quan điều tra khi thực hiện chức năng quản lý hoạt động tố tụng của cơ quan điều tra (khoản 1 Điều 34) và khi thực hiện chức năng tiến hành tố tụng trong hoạt động điều tra vụ án hình sự (khoản 2 Điều 34). Đồng thời, tại Điều luật này cũng đã bổ sung một số quy định mới về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của phó thủ trưởng cơ quan điều tra với tư cách là người giúp việc của thủ trưởng cơ quan điều tra trong việc thực hiện chức năng quản lý hoạt động điều tra và với tư cách là một chức danh tố tụng độc lập.

Tính không cụ thể cũng thể hiện khá rõ trong các quy định trước đây về nhiệm vụ,

quyền hạn, trách nhiệm của điều tra viên. Theo tinh thần của Điều 94 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988, có thể dễ nhận thấy: *“Điều tra viên chưa được giao quyền độc lập tiến hành một số hoạt động điều tra mà còn phụ thuộc vào quyết định của thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan điều tra”*.⁽¹⁰⁾ Mặc dù trực tiếp tiến hành hoạt động điều tra vụ án nhưng điều tra viên chỉ được đánh giá như là thư kí giúp việc của thủ trưởng cơ quan điều tra. Trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của điều tra viên lần đầu tiên được cụ thể hoá ở mức cao, về cơ bản đảm bảo cho điều tra viên những khả năng thực tế trở thành chủ thể có quyền chủ động trong hoạt động của mình và có cơ sở để tự tin, sẵn sàng: *“chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước thủ trưởng cơ quan điều tra về những hành vi và quyết định của mình”* (khoản 2 Điều 35).

- Thứ năm, bổ sung nhiều quy định mới khác phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn hoạt động điều tra hình sự, tạo cơ sở nâng cao chất lượng hoạt động này.

Trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, bên cạnh những thay đổi lớn về mô hình tổ chức cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan điều tra và điều tra viên còn nhiều quy định mới được bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu của việc nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra hình sự như tăng thời hạn điều tra của các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động

điều tra; cụ thể hoá nhiệm vụ, quyền hạn của viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong hoạt động điều tra và kiểm sát điều tra; sửa đổi thẩm quyền gia hạn thời hạn điều tra và thời hạn tạm giam để điều tra của viện kiểm sát theo hướng tăng thẩm quyền cho viện kiểm sát cấp dưới; quy định cụ thể thời hạn gia hạn điều tra của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia... Đặc biệt, lần đầu tiên vấn đề chất lượng đội ngũ điều tra viên được quan tâm giải quyết khá toàn diện thông qua việc Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2003 dành toàn bộ Chương V để quy định chặt chẽ, cụ thể tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm điều tra viên. Những thay đổi này tuy không lớn nhưng là cần thiết nhằm giúp hệ thống pháp luật về hoạt động điều tra hình sự ngày càng tiến dần đến sự hoàn thiện và góp phần nâng cao chất lượng hoạt động điều tra trong thời gian tới.

Có thể khẳng định rằng, các quy định pháp lý về hoạt động điều tra hình sự về cơ bản ngày một hoàn thiện, đáp ứng khá kịp thời đòi hỏi của thực tiễn điều tra hình sự, góp phần đáng kể vào những thành tựu mà cơ quan điều tra đã đạt được trong thời gian qua.

Trước mắt, để hiện thực hóa các mục tiêu của Chiến lược cải cách tư pháp do Đảng và Nhà nước khởi xướng, trong lĩnh vực lập pháp tổ tụng hình sự, liên quan đến hoạt động điều tra, phải giải quyết tốt những nhiệm vụ sau: *"Xác định rõ nhiệm vụ của cơ quan điều tra trong mối quan hệ với các cơ quan khác được giao một số hoạt động điều*

tra theo hướng cơ quan điều tra chuyên trách điều tra tất cả các vụ án hình sự, các cơ quan khác chỉ tiến hành một số hoạt động điều tra sơ bộ và tiến hành một số biện pháp điều tra theo yêu cầu của cơ quan điều tra chuyên trách. Trước mắt, tiếp tục thực hiện mô hình tổ chức cơ quan điều tra theo pháp luật hiện hành; nghiên cứu và chuẩn bị mọi điều kiện để tiến tới tổ chức lại cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối, kết hợp chặt chẽ giữa công tác trình sát và hoạt động điều tra tố tụng hình sự".⁽¹¹⁾

Như vậy, nhiệm vụ của công tác lập pháp tố tụng hình sự trong thời gian tới còn khá nặng nề nhưng thành tựu mà nó đạt được trong những năm qua sẽ là tiền đề đáng tin cậy cho việc đạt được những mục tiêu đã đề ra./.

(1). (5), (7), (10). Xem: Ban soạn thảo Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự sửa đổi - Bộ công an, *"Báo cáo tổng kết việc thi hành Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự 1990 - 2001"*, H. 2003, tr. 10.

(2). Xem: *"Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 1995"* của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

(3), (6). Xem: Tổng cục cảnh sát - Bộ công an, *"Tài liệu báo cáo đổi mới tổ chức và hoạt động cơ quan cảnh sát điều tra"*, H. 1998.

(4). Xem: Nghị quyết số 728/2004/NQ-UBTVQH11 quy định cụ thể về việc thành lập cơ quan điều tra hình sự, cơ quan an ninh điều tra quân khu và tương đương, cơ quan điều tra hình sự khu vực.

(8). Xem: Vụ công tác lập pháp Viện khoa học kiểm sát, *"Những sửa đổi cơ bản của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003"*, Nxb. Tư pháp, H. 2003, tr. 47-48.

(9). Xem: Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục pháp luật - Bộ công an, *"Tài liệu tập huấn chuyên sâu về Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003"*, H., 6/2004.

(11). Xem: Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, 02/6/2005, tr. 5.